**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 –LỚP 10 – Năm học 2022-2023**

| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **HÀM SỐ, ĐỒ THỊ VÀ ỨNG DỤNG** | **1.1. Hàm số** | **Nhận biết:**  - Tìm được tập xác định, tập giá trị của hàm số: hàm số phân thức hoặc hàm số chứa căn dang đơn giản.  - Nhận biết được khoảng đồng biến và nghịch biến dựa vào BBT  **Thông hiểu:**  - Tìm được tập xác định, tập giá trị của hàm số: hàm số phân thức hoặc hàm số chứa căn;  - Tính giá trị của hàm số.  -Tìm điều kiện để hàm số xác định trên miền cho trước. | 2 | 2 |  |  |
| **1.2. Hàm số bậc hai** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được hàm số bậc hai và các hệ số của hàm số bậc hai;  - Nhận dạng được đồ thị hàm số bậc hai;  - Nhận được các yếu tố cơ bản của đồ thị hàm số bậc hai: đỉnh, trục đối xứng, ....  - Điểm thuộc ĐTHS  **Thông hiểu:**  - Xác định khoảng đồng biến, nghịch biến; giá trị nhỏ nhất, lớn nhất của hàm số bậc hai;  - Xác định hàm số bậc hai khi biết một số yếu tố.  **Vận dụng:**  - Vận dụng được kiến thức về hàm số bậc hai và đồ thị , BBT vào giải quyết bài toán thực tiễn. | 4 | 4 |  | 1 |
| **1.3. Dấu của tam thức bậc hai** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được tam thức bậc hai;  - Nhận biết dấu của tam thức bậc hai;  - Xác định hệ số a, b, c của tam thức bậc hai cho trước.  Xác định được tập nghiệm của BPT bậc hai  **Thông hiểu:**  - Tìm được các khoảng hoặc nửa khoảng để tam thức bậc hai nhận giá trị dương (âm, không dương, không âm, ...);  - Giải được các bất phương trình bậc hai.  **Vận dụng cao:**  - Vận dụng bất phương trình bậc hai vào giải quyết bài toán dấu tam thức trên miền. | 6 | 2 | 1 |  |
| **1.4. Phương trình quy về phương trình bậc hai** | **Nhận biết:**  - Nhận biết nghiệm của phương trình dạng:    **Thông hiểu:**  - Biết được số nghiệm của phương trình dạng:    **Vận dụng:**  - Giải được phương trình quy về phương trình bậc hai;  - Vận dụng trong bài toán thực tế có liên quan. | 2 | 2 | 1 |  |
| **2** | **PHƯƠNG PHÁP TỌA ĐỘ TRONG MẶT PHẲNG** | **2.1. Phương trình đường thẳng** | **Nhận biết:**  - Vectơ pháp tuyến hoặc vectơ chỉ phương của đường thẳng;  - Điểm thuộc (không thuộc) đường thẳng;  - Nhận dạng PTTS của đường thẳng khi biết đường thẳng đó đi qua 1 điểm và nhận 1 vectơ chỉ phương.  **Thông hiểu:**  - Xác định được PTTQ của đường thẳng khi biết đường thẳng đó đi qua 1 điểm và nhận 1 vectơ pháp tuyến;  - Viết phương trình đường thẳng đi qua 2 điểm cho trước;  - Chuyển dạng phương trình đường thẳng (từ dạng tham số sang dạng tổng quát, hoặc từ dạng tổng quát về dạng tham số).  **Vận dụng:**  - Liên hệ được các kiến thức tổng hợp để viết phương trình đường thẳng ở dạng phức tạp;  - Vận dụng kiến thức về phương trình đường thẳng để giải một số bài toán thực tiễn có liên quan. | 3 | 2 | 1 |  |
| **2.2. Vị trí tương đối của 2 đường thẳng** | **Nhận biết:**  - Nhận biết vị trí tương đối giữa hai đường thẳng;  - Nhận biết công thức tính khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng;  - Nhận biết công thức tính góc giữa hai đường thẳng.  **Thông hiểu:**  - Tính khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng;  - Tính góc giữa hai đường thẳng;  - Xác định vị trí tương đối giữa hai đường thẳng;  - Tìm giao điểm của 2 đường thẳng;  - Tìm điều kiện m để 2 đường thẳng song song hoặc vuông góc (trong trường hợp đơn giản). | 3 | 3 |  | 1 |
|  |  |  |  |
|  | |  |  | **20** | **15** | **3** | **2** |